

Chương IV

Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975

Bài 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

Do âm mưu của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau. Trong tình hình đó, miền Bắc vừa tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, vừa thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai.

I – TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NƯỚC TA SAU HIỆP ĐỊNH GIONEVƠ NĂM 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia của thực dân Pháp, có sự giúp sức của đế quốc Mỹ.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, ngày 10 – 10 – 1954, quân ta tiến vào tiếp quản Hà Nội trong không khí tung bừng của ngày hội giải phóng. Ngày 1 – 1 – 1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng) ngày 16 – 5 – 1955. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Giữa tháng 5 – 1956, Pháp rút quân khỏi miền Nam khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc Việt Nam theo điều khoản của Hiệp định Giơnevơ.



Hình 57. Nhân dân Hà Nội mừng đón bộ đội vào tiếp quản Thủ đô (10 – 10 – 1954)

Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết, Mĩ liền thay thế Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Do đó, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước chưa hoàn thành, nhân dân ta vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế ở miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, vừa phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

 *Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương như thế nào ?*

II – MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 – 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957)

a) Hoàn thành cải cách ruộng đất

Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế ở miền Bắc và yêu cầu về quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân, củng cố khối liên minh công – nông, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng

và Chính phủ quyết định “Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất”.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, trong hơn 2 năm (1954 – 1956) miền Bắc tiến hành tiếp đợt 6 giảm tô và 4 đợt cải cách ruộng đất ở 3 314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực.

Qua 5 đợt cải cách ruộng đất⁽¹⁾, đã tịch thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ đem chia cho 2 triệu hộ nông dân.



Hình 58. Nông dân phấn khởi nhận ruộng trong cải cách ruộng đất

Trong cải cách ruộng đất, chúng ta cũng phạm một số sai lầm như đấu tố tràn lan, thô bạo, đấu tố cả những địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhậm một số nông dân, cán bộ, đảng viên thành địa chủ.

Sai lầm của ta trong cải cách ruộng đất được Đảng, Chính phủ phát hiện và kịp thời sửa chữa. Công tác sửa sai được tiến hành trong cả năm 1957. Nhờ đó, hậu quả của sai lầm được hạn chế. Sau cải cách ruộng đất, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh công – nông được củng cố.

b) Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

Đây là nhiệm vụ tất yếu trong thời kì đầu sau chiến tranh. Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá I (từ ngày 20 đến ngày 26 – 3 – 1955) đã quyết nghị: “Ra sức củng cố miền Bắc bằng cách đẩy mạnh và hoàn thành cải cách ruộng đất đúng theo kế hoạch, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá”.

Công cuộc khôi phục kinh tế được toàn dân tích cực hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành.

(1) Kể cả đợt 1 tiến hành trong kháng chiến.

Trong *nông nghiệp*, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, bảo đảm cấy cấy hết ruộng đất vắng chủ, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ. Nhiều đập nước được sửa chữa. Nhiều công trình thủy nông mới được xây dựng, có tác dụng mở rộng diện tích tưới và tiêu nước.



Hình 59. Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm công trình thủy nông Bắc – Hưng – Hải (1958)

Cuối năm 1957, sản lượng lương thực đạt gần 4 triệu tấn, tăng hơn 1,5 triệu tấn so với năm 1939. Nạn đói kinh niên ở miền Bắc căn bản được giải quyết.

Trong *công nghiệp*, chúng ta đã nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các nhà máy, xí nghiệp bị phá hỏng, xây dựng thêm một số nhà máy mới như : cơ khí Hà Nội, diêm Thống Nhất, gỗ Cầu Đuống, thuốc lá Thăng Long, cá hộp Hải Phòng, chè Phú Thọ,... Đến cuối năm 1957, miền Bắc có 97 nhà máy, xí nghiệp lớn do Nhà nước quản lí.

Các ngành *thủ công nghiệp, thương nghiệp* nhanh chóng được khôi phục, bảo đảm cung cấp nhiều mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân và giải quyết phần nào việc làm cho người lao động. Ngoại thương dần dần tập trung vào Nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đã đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

Trong *giao thông vận tải*, đã khôi phục 700 kilômét đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ô tô, xây dựng lại và mở rộng thêm nhiều bến cảng như : Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy. Đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

Văn hoá, giáo dục, y tế được đẩy mạnh. Hệ thống giáo dục phổ thông theo chương trình 10 năm đã được khẳng định ; một số trường đại học được thành lập ; hơn 1 triệu người được xoá mù chữ.

Hệ thống y tế chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được Nhà nước quan tâm xây dựng. Nếp sống lành mạnh, giữ gìn vệ sinh được vận động thực hiện ở khắp mọi nơi.

Đảng và Nhà nước còn có nhiều chủ trương, biện pháp để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới.



Hình 60. Thanh niên xung phong tham gia khôi phục đường sắt Hà Nội – Mục Nam Quan (1957)

2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội (1958 – 1960)

Trong ba năm (1958 – 1960), miền Bắc lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm : cải tạo đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

Thực hiện chủ trương trên, khắp nơi trên miền Bắc sôi nổi phong trào vận động xây dựng hợp tác xã.

Đến cuối năm 1960, miền Bắc có trên 85% hộ nông dân với 70% ruộng đất vào hợp tác xã nông nghiệp, hơn 87% số thợ thủ công và 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã. Một bộ phận thương nhân được chuyển sang sản xuất hoặc chuyển thành mậu dịch viên.

Đối với tư sản dân tộc, Đảng và Nhà nước chủ trương cải tạo bằng phương pháp hoà bình, sử dụng mặt tích cực của họ phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước. Đến cuối năm 1960, có hơn 95% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh.

Trong cải tạo, chúng ta mắc một số sai lầm như đã đồng nhất cải tạo với xoá bỏ tư hữu và các thành phần kinh tế cá thể ; thực hiện sai các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, công bằng, dân chủ, cùng có lợi ; do đó, chưa phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của xã viên trong sản xuất.

Đồng thời với cải tạo là nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội, trọng tâm là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Đến năm 1960, đã có 172 xí nghiệp lớn do trung ương quản lí và trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

Những tiến bộ về mặt kinh tế đã tạo điều kiện cho sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế phát triển. So với năm 1957, năm 1960, số học sinh tăng 80%, số sinh viên tăng gấp đôi. Các cơ sở y tế năm 1960 tăng 11 lần so với năm 1955.



– Miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ?

– Công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc từ năm 1958 đến năm 1960 đã đạt được những thành tựu và có hạn chế gì ?

III – MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ – DIỆM, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI “ĐỒNG KHỞI” (1954 – 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1959)

Cách mạng miền Nam từ giữa năm 1954 chuyển từ đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ năm 1954, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam vừa đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ, vừa chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, chống trò hề “trưng cầu dân ý”, “bầu cử quốc hội” của Ngô Đình Diệm.

Mở đầu là “Phong trào hoà bình” của trí thức và các tầng lớp nhân dân ở Sài Gòn – Chợ Lớn vào tháng 8 – 1954. Trong “Phong trào hoà bình”, nhiều cuộc mít tinh, hội họp và đưa yêu sách đòi chính quyền thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ v.v. được tổ chức.

Mĩ – Diệm tăng cường khủng bố, đàn áp, lùng bắt những người lãnh đạo phong trào. Tuy vậy, phong trào đấu tranh vì mục tiêu hoà bình của các tầng lớp nhân dân

tiếp tục dâng cao, lan rộng tới các thành phố khác và cả vùng nông thôn, mà tiêu biểu là ở Huế và Đà Nẵng. Phong trào đã lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, hình thành mặt trận chống Mĩ – Diệm. Phong trào từ đấu tranh chính trị, hoà bình chuyển sang dùng bạo lực, tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

2. Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960)

Trong những năm 1957 – 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn, tổn thất. Tháng 5 – 1957, Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra Luật 10/59, công khai chém giết, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thử thách.



Hình 61. Lược đồ phong trào “Đồng khởi” ở miền Nam

Tháng 1 – 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm. Hội nghị nhấn mạnh : Ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.

Phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương như cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) tháng 2 – 1959, ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8 – 1959, đã lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu là cuộc “Đồng khởi” ở Bến Tre.

Ngày 17 – 1 – 1960, cuộc “Đồng khởi” nổ ra ở ba xã điểm là Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày (Bến Tre), rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện Mỏ Cày và các huyện Giồng Trôm, Thạnh Phú, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại.

Quần chúng nổi dậy giải tán chính quyền địch, thành lập Ủy ban nhân dân tự quản, thành lập lực lượng vũ trang, tịch thu ruộng đất của địa chủ, cưỡng hào chia cho dân cày nghèo.


Phong trào “Đồng khởi” lan ra các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và Trung Trung Bộ. Tính đến cuối năm 1960, ta đã làm chủ 600/1 298 xã ở Nam Bộ, 904/3 829 thôn ở vùng núi các tỉnh Trung Trung Bộ, 3 200/5 721 thôn ở Tây Nguyên.

Phong trào “Đồng khởi” giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Từ trong khí thế đó, *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* ra đời (20 – 12 – 1960) do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Mặt trận chủ trương đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống đế quốc Mĩ xâm lược và chính quyền Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền cách mạng dưới hình thức những ủy ban nhân dân tự quản.



Hình 62. Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ duyệt một đơn vị vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam

 – Phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệt của nhân dân ta ở miền Nam đã diễn ra như thế nào trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 ?

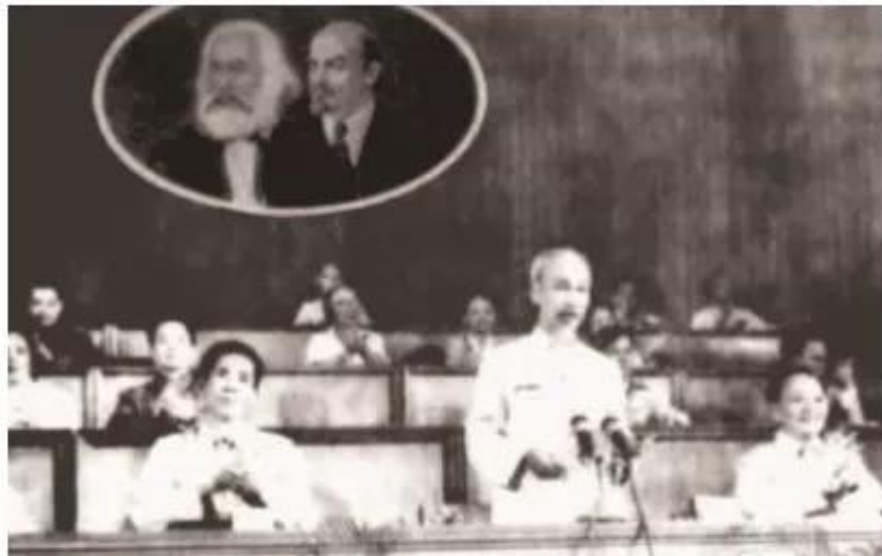
– Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam đã nổ ra trong hoàn cảnh như thế nào ? Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào.

IV – MIỀN BẮC XÂY DỰNG BƯỚC ĐẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT – KỸ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1961 – 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960)

Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam – Bắc có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.

Đại hội họp từ ngày 5 đến ngày 10 – 9 – 1960 tại Hà Nội, đã đề ra nhiệm vụ



Hình 63. Đoàn chủ tịch Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960)

chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền ; chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của cách mạng cả nước. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước.

Đối với miền Bắc, Đại hội khẳng định đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện mục tiêu trên, phải tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đại hội đã thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng* và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng, bầu Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh đã được bầu lại làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965)

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc chuyển sang giai đoạn lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm là ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.

Ngành *công nghiệp* được ưu tiên đầu tư xây dựng. Với sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, từ năm 1961 đến năm 1964, vốn đầu tư xây dựng cơ bản dành cho công nghiệp là 48%, trong đó công nghiệp nặng chiếm gần 80%. Giá trị sản lượng ngành công nghiệp nặng năm 1965 tăng ba lần so với năm 1960.

Trong những năm 1961 – 1965, 100 cơ sở sản xuất mới được xây dựng. Một số nhà máy cơ khí, điện được xây dựng hoặc mở rộng như các nhà máy : cơ khí Hà Nội, cơ khí Trần Hưng Đạo, xe đạp Thống Nhất, đóng tàu Bạch Đằng, điện Uông Bí, khu gang thép Thái Nguyên... Các khu công nghiệp Việt Trì, Thượng Đình (Hà Nội), các nhà máy đường Vạn Điểm, Sông Lam, sứ Hải Dương, pin Văn Điển, dệt 8 – 3, dệt kim Đông Xuân v.v. đã sản xuất nhiều mặt hàng phục vụ dân sinh và quốc phòng. Công nghiệp quốc doanh chiếm tỉ trọng 93% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp nhẹ cùng với tiểu thủ công nghiệp đã giải quyết được 80% hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân.



Hình 64. Toàn cảnh khu gang thép Thái Nguyên

Trong *nông nghiệp*, sau khi đưa đại bộ phận nông dân vào các hợp tác xã, từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao. Nông dân áp dụng khoa học – kĩ thuật vào sản xuất. Hệ thống thuỷ nông phát triển, nhiều công trình mới được xây dựng, tiêu biểu như công trình Bắc – Hưng – Hải. Nhiều hợp tác xã đạt và vượt năng suất 5 tấn thóc trên 1 hécta gieo trồng.

Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh được thị trường, góp phần vào phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Hệ thống *giao thông* đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn trước.

Hệ thống *giáo dục* từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh.

Năm học 1964 – 1965, miền Bắc có hơn 9 000 trường cấp I, cấp II và cấp III với tổng số trên 2,6 triệu học sinh. Hệ đại học và trung học chuyên nghiệp có 18 trường, tăng gấp hai lần so với năm học 1960 – 1961.

Hệ thống *y tế*, chăm sóc sức khỏe được đầu tư phát triển, khoảng 6 000 cơ sở y tế được xây dựng.

Miền Bắc còn làm nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Trong 5 năm (1961 – 1965), một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, thuốc men được chuyển vào chiến trường. Nhiều cán bộ, chiến sĩ trong các lĩnh vực quân sự, chính trị, văn hoá, giáo dục, y tế được huấn luyện và đưa vào Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng vùng giải phóng.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm đã làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc.

Tháng 12 – 1965, Trung ương Đảng họp đã khẳng định : “Trải qua hơn 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước, với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh”.⁽¹⁾



Hình 65. Thanh niên miền Bắc nô nức tham gia phong trào “Ba sẵn sàng”

Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965) đang thực hiện có kết quả thì ngày 7 – 2 – 1965, Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta. Miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện chiến tranh.



– Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp trong bối cảnh lịch sử như thế nào ? Nêu nội dung và ý nghĩa của Đại hội.

– Miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện kế hoạch kinh tế – xã hội 5 năm (1961 – 1965) ?

V – MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 – 1965)

1. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam

Từ cuối năm 1960, hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài Ngô Đình Diệm bị thất bại, đế quốc Mĩ buộc phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965).

“Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống “cố vấn” Mĩ, dựa vào vũ khí,

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Tập 26, NXB Chính trị quốc gia, H., 2003, tr. 632.

trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt”.

Mĩ đề ra kế hoạch Xtalây – Taylo mà nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Thực hiện kế hoạch, Mĩ tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm, đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”, trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như “trục thăng vận”, “thiết xa vận”. Bộ chỉ huy quân sự Mĩ ở miền Nam (MACV) được thành lập để trực tiếp chỉ đạo quân đội Sài Gòn.

“Ấp chiến lược” (sau đó gọi là “ấp tân sinh”) được Mĩ và chính quyền Sài Gòn coi như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và nâng lên thành “quốc sách”. Chúng coi việc lập “ấp chiến lược” như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình “bình định” miền Nam. Chúng dự định dồn 10 triệu nông dân vào 16 000 ấp trong tổng số 17 000 ấp toàn miền Nam.



Hình 66. Chiến thuật “trục thăng vận” được sử dụng trong “Chiến tranh đặc biệt”

Được Mĩ hỗ trợ chiến đấu và chỉ huy bằng hệ thống cố vấn, quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ

Đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam, tháng 1 – 1961, *Trung ương Cục miền Nam* ra đời ; tháng 2 – 1961, các lực lượng vũ trang thống nhất thành *Quân giải phóng miền Nam*.

Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng do Đảng lãnh đạo, quân dân miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị), tiến công địch bằng cả ba mũi (chính trị, quân sự, binh vận).

Trong những năm 1961 – 1962, Quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của chúng.

Cuộc đấu tranh chống và phá “ấp chiến lược” diễn ra gay go, quyết liệt giữa ta và địch ; có hàng chục triệu lượt người tham gia phá “ấp chiến lược” đi đôi với xây dựng làng chiến đấu. Với quyết tâm “Một tác không đi, một li không rời”, nhân dân miền Nam kiên quyết bám đất, giữ làng, phá thế kìm kẹp của địch.



Hình 67. Phá “ấp chiến lược”,
khiêng nhà về nơi ở cũ

Mĩ và chính quyền Sài Gòn dù tập trung sức dồn dân, lập “ấp chiến lược” nhưng cũng chỉ thực hiện được một phần kế hoạch (non nửa số 16 000 ấp).

Đến cuối năm 1962, trên nửa tổng số ấp với gần 70% nông dân ở miền Nam vẫn do cách mạng kiểm soát.

Trên mặt trận quân sự, quân dân ta giành thắng lợi mở đầu vang dội trong trận Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2 – 1 – 1963, đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2 000 binh lính quân đội Sài Gòn có cố vấn Mĩ chỉ huy, được pháo binh, máy bay,

xe tăng, xe bọc thép yểm trợ. Sau trận Ấp Bắc, khắp miền Nam dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.

Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị, cả những đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, có những bước phát triển mạnh mẽ, nổi bật là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, “đội quân tóc dài” chống lại sự đàn áp của chính quyền Diệm.



Hình 68. “Đội quân tóc dài” đấu tranh đòi đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam

Phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị cùng với phong trào phá “áp chiến lược” ở nông thôn và những đòn tiến công liên tiếp của lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Ngày 1 – 11 – 1963, Mỹ giật dây các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn do Dương Văn Minh cầm đầu làm cuộc đảo chính giết anh em Diệm – Nhu, đưa tay sai mới lên cầm quyền, với hi vọng ổn định tình hình để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. Cuộc đảo chính này đã làm cho chính quyền Sài Gòn lâm vào khủng hoảng triển miên. Chỉ trong vòng 18 tháng sau đó, liên tục diễn ra hơn 10 cuộc đảo chính.

Sau khi lên làm Tổng thống (thay Kennơđi bị ám sát ngày 22 – 11 – 1963), Giônxon quyết định đẩy mạnh hơn nữa “Chiến tranh đặc biệt”. Kế hoạch Giônxon – Mác Namara thay thế kế hoạch Xtalây – Taylo, nhằm tăng cường viện trợ quân sự, ổn định chính quyền Sài Gòn, bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm (1964 – 1965).

Mặc dù vậy, từng mảng lớn “áp chiến lược” của địch bị phá vỡ. Cuối năm 1964, địch chỉ còn kiểm soát được 3 300 ấp (khoảng 1/5 số ấp dự kiến) ;

tới tháng 6 - 1965, giảm xuống mức thấp nhất, chỉ còn kiểm soát 2 200 ấp. “Áp chiến lược” - xương sống của “Chiến tranh đặc biệt” - đã bị phá sản về cơ bản. Vùng giải phóng ngày càng mở rộng, trở thành hậu phương trực tiếp của cách mạng. Tại vùng giải phóng, chính quyền cách mạng các cấp đã được thành lập, ruộng đất của Việt gian bị tịch thu chia cho dân cày nghèo.

Sau chiến thắng Ấp Bắc, Quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn.

Trong đông – xuân 1964 – 1965, quân dân ta mở chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ với trận mở màn đánh vào ấp Bình Giã (Bà Rịa, ngày 2 – 12 – 1964). Trong trận này, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 1700 tên địch, phá huỷ hàng chục máy bay và xe bọc thép, đánh thắng các chiến thuật “trục thăng vận”, “thiết xa vận” của địch; chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản. Tiếp đó, quân ta giành thắng lợi ở An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đông Xoài (Bình Phước) v.v., gây cho quân đội Sài Gòn những thiệt hại nặng, có nguy cơ tan rã, làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.



– Nêu âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong việc tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) ở miền Nam.

– Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) và giành thắng lợi như thế nào ?



CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy nêu những thành tựu chủ yếu về kinh tế và xã hội của cách mạng miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1965.
2. Bằng những sự kiện lịch sử tiêu biểu, chứng minh phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.